

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1874~~ 1874/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp Học bổng Khuyến khích học tập đối với
sinh viên hệ đại học chính quy học kỳ 2, năm học 2020 - 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-NHNN ngày 01/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;

Căn cứ Quyết định số 2667/QĐ-ĐHNH ngày 26/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế xét, cấp học bổng đối với người học tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên hệ đại học chính quy trong học kỳ 2, năm học 2020 - 2021;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 18/10/2021 của Hội đồng xét, cấp Học bổng Khuyến khích học tập học kỳ 2, năm học 2020 - 2021;

Căn cứ kết quả kiểm dò của sinh viên hệ đại học chính quy đối với Danh sách dự kiến sinh viên hệ đại học chính quy đủ điều kiện được cấp Học bổng Khuyến khích học tập học kỳ 2, năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng, Phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Học bổng Khuyến khích học tập đối với 570 sinh viên hệ đại học chính quy trong học kỳ 2, năm học 2020 – 2021 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Mức học bổng được quy định như sau:

- Xếp loại xuất sắc: 1.575.000 đồng/tháng.
- Xếp loại giỏi: 1.135.000 đồng/tháng.
- Xếp loại khá: 980.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp học bổng là 5 tháng/học kỳ và được lĩnh một lần/học kỳ.

Điều 3. Các Ông/Bà Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng các khoa quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- P.TCKT;
- Lưu: VP, P.CTSV.



HIỆU TRƯỞNG 

Bùi Hữu Toàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2021

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1874 /QĐ-ĐHNH ngày 27/10/2021 của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
1	050608200139	Phạm Nguyễn Liên Sơn	HQ8-GE14	Tài chính - Ngân hàng	9.76	Xuất sắc	98	Xuất sắc	16	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
2	030135190124	Đặng Thị Thu Hà	DH35TC07	Tài chính	9.63	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
3	030134180374	Huỳnh Thị Hồng Như	DH34TC03	Tài chính	9.61	Xuất sắc	94	Xuất sắc	24	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
4	030135190706	Nguyễn Thị Tố Uyên	DH35TC01	Tài chính	9.6	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
5	050607190515	Phạm Thị Anh Thư	HQ7-GE14	Tài chính - Ngân hàng	9.52	Xuất sắc	98	Xuất sắc	21	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
6	050606180421	Mai Hoàng Bảo Trâm	HQ6-GE01	Kế toán	9.42	Xuất sắc	100	Xuất sắc	18	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
7	030135190173	Trần Thị Diệu Hiền	DH35TC02	Tài chính	9.42	Xuất sắc	91	Xuất sắc	23	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
8	030535190241	Phạm Thị Trang	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	9.4	Xuất sắc	97	Xuất sắc	22	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
9	030135190128	Nguyễn Thanh Hà	DH35TC04	Tài chính	9.39	Xuất sắc	90	Xuất sắc	22	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
10	030836200014	Đỗ Thị Kim Chi	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	9.39	Xuất sắc	90	Xuất sắc	17	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
11	030134180054	Trần Thị Chi	DH34TC01	Tài chính	9.38	Xuất sắc	95	Xuất sắc	18	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
12	030134180590	Phạm Mai Trâm	DH34TC05	Tài chính	9.37	Xuất sắc	98	Xuất sắc	18	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
13	030835190067	Đỗ Ngọc Hân	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9.37	Xuất sắc	93	Xuất sắc	22	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
14	030136200387	Đặng Duy Ngọc	DH36DC01	Tài chính - Ngân hàng	9.35	Xuất sắc	100	Xuất sắc	17	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
15	030534180061	Đặng Thị Hòa	DH34KT01	Kế toán	9.33	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
16	030136200588	Lê Đình Thanh Thảo	DH36DC07	Tài chính - Ngân hàng	9.33	Xuất sắc	93	Xuất sắc	16	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
17	050608200214	Đỗ Diệu Linh	HQ8-GE04	Tài chính - Ngân hàng	9.32	Xuất sắc	100	Xuất sắc	17	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
18	030236200039	Nguyễn Hữu Đông	DH36HT04	Thông tin Quản lý	9.32	Xuất sắc	92	Xuất sắc	18	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
19	030534180046	Cao Gia Hân	DH34KT01	Kế toán	9.31	Xuất sắc	93	Xuất sắc	17	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
20	030134180251	Triệu Thị Trúc Linh	DH34TC03	Tài chính	9.3	Xuất sắc	92	Xuất sắc	21	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000
21	050607190641	Nguyễn Hoàng Việt	HQ7-GE15	Tài chính - Ngân hàng	9.3	Xuất sắc	90	Xuất sắc	16	Xuất sắc	1,575,000	7,875,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
22	030135190137	Nguyễn Phương Hồng Hạnh	DH35NH02	Ngân hàng	9.29	Giỏi	92	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
23	030336200188	Nguyễn Thị Yến Nhi	DH36QT03	Quản trị Kinh doanh	9.28	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
24	030336200316	Nguyễn Trần Trọng	DH36QT06	Quản trị Kinh doanh	9.28	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
25	050606180358	Phan Thị Huyền Thanh	HQ6-GE12	Tài chính - Ngân hàng	9.28	Giỏi	85	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
26	050607190692	Lê Nguyễn Anh Thư	HQ7-GE14	Tài chính - Ngân hàng	9.26	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
27	050608200080	Huỳnh Phương Lam	HQ8-GE17	Tài chính - Ngân hàng	9.26	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
28	030534180246	Nguyễn Thị Ngọc Ý	DH34KT04	Kế toán	9.25	Giỏi	93	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
29	050607190452	Ôn Vĩnh Tân	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	9.24	Giỏi	100	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
30	030534180133	Lê Thảo Nguyên	DH34KT03	Kế toán	9.24	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
31	030335190100	Nguyễn Thị Mỹ Lài	DH35MK02	Marketing	9.24	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
32	030534180060	Ngô Thị Hiếu	DH34KT01	Kế toán	9.24	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
33	030534180128	Ngô Trung Nghĩa	DH34KT02	Kế toán	9.24	Giỏi	90	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
34	030236200143	Võ Minh Tiến	DH36HT03	Hệ thống Thông tin Quản lý	9.23	Giỏi	97	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
35	030134180190	Nguyễn Thị Thanh Hương	DH34TC02	Tài chính	9.23	Giỏi	95	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
36	030836200103	Võ Thị Kim Ngân	DH36KQ02	Kinh tế Quốc tế	9.23	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
37	050606180411	Bùi Thị Thùy Trang	HQ6-GE07	Kế toán	9.22	Giỏi	93	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
38	030434180264	Huỳnh Ngọc Xười	DH34AV04	Ngôn ngữ Anh	9.22	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
39	030336200331	Lê Tường Vy	DH36QT03	Quản trị Kinh doanh	9.22	Giỏi	86	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
40	030135190013	Hồng Nhật Anh	DH35NH01	Ngân hàng	9.21	Giỏi	99	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
41	030336200004	Dương Quỳnh Anh	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	9.21	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
42	030336200241	Lê Thị Cẩm Tú	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	9.21	Giỏi	95	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
43	050607190193	Phan Vũ Duy Khang	HQ7-GE04	Tài chính - Ngân hàng	9.21	Giỏi	94	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
44	050606180222	Hoàng Tố Nga	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	9.21	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
45	050607190282	Cao Thị Kim Ngân	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	9.2	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
46	030534180170	Trịnh Thị Quỳnh Tiên	DH34KT04	Kế toán	9.2	Giỏi	94	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
47	030134180357	Nguyễn Thị Yến Nhi	DH34TC03	Tài chính	9.2	Giỏi	90	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
48	050606180336	Nguyễn Ngọc Thuỷ Tiên	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	9.2	Giỏi	82	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
49	030134180475	Ngô Thị Thanh Tuyền	DH34TC05	Tài chính	9.19	Giỏi	99	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
50	030235190059	Trần Quang Khải	DH35DN01	Hệ thống thông tin	9.19	Giỏi	93	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
51	030135190079	Nguyễn Tiến Dũng	DH35NH02	Ngân hàng	9.19	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
52	030836200125	Nguyễn Quỳnh Nhu	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	9.18	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
53	050606180397	Trần Ngọc Anh Thư	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	9.18	Giỏi	95	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
54	030236200031	Nguyễn Hoài Ánh Dương	DH36HT02	Thông tin	9.18	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
55	030534180049	Nguyễn Thị Ngọc Hân	DH34KT01	Kế toán	9.18	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
56	030535190107	Võ Thị Phương Linh	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	9.18	Giỏi	92	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
57	030134180485	Huỳnh Thị Xuân Tươi	DH34TC05	Tài chính	9.18	Giỏi	87	Tốt	27	Giỏi	1,135,000	5,675,000
58	030135190631	Đoàn Thị Ngọc Trâm	DH35NH01	Ngân hàng	9.17	Giỏi	98	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
59	030434180241	Đinh Nguyễn Lam Uyên	DH34AV04	Ngôn ngữ Anh	9.17	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
60	050606180313	Thân Nguyễn Ngọc Quyên	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	9.17	Giỏi	88	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
61	030134180062	Hoàng Hà Dung	DH34TC01	Tài chính	9.16	Giỏi	99	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
62	030135190400	Ngô Ngọc Nhi	DH35TC02	Tài chính	9.16	Giỏi	95	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
63	030534180034	Trần Nguyễn Phúc Gia	DH34KT01	Kế toán	9.16	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
64	050608200716	Lâm Hoàng Huyền Trang	HQ8-GE14	Tài chính - Ngân hàng	9.16	Giỏi	92	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
65	030836200136	Võ Thị Thanh Phương	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	9.16	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
66	030534180147	Hồ Thị Nhung	DH34KT03	Kế toán	9.16	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
67	050607190539	Trần Trọng Tín	HQ7-GE14	Tài chính - Ngân hàng	9.16	Giỏi	85	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
68	030835190010	Đặng Thị Ngọc Ánh	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9.15	Giỏi	86	Tốt	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000
69	030236200222	Phạm Huỳnh Khải Thiên	DH36HT02	Kinh tế Quốc tế Hệ thống Thông tin Quản lý	9.14	Giỏi	97	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
70	030534180010	Mai Thị Huỳnh Cúc	DH34KT01	Kế toán	9.14	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
71	050608200314	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	HQ8-GE17	Tài chính - Ngân hàng	9.14	Giỏi	90	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
72	030135190074	Nguyễn Thị Ngọc Dung	DH35TC05	Tài chính	9.13	Giỏi	97	Xuất sắc	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
73	030534180066	Lâm Thị Mỹ Huyền	DH34KT02	Kế toán	9.13	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
74	030534180043	Vy Thị Mỹ Hạnh	DH34KT01	Kế toán	9.12	Giỏi	98	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
75	030334180174	Hồ Lê Lệ Nguyên	DH34QT02	Quản trị Kinh doanh	9.12	Giỏi	98	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
76	030335190020	Huỳnh Lê Khánh Băng	DH35QT03	Quản trị Kinh doanh	9.12	Giỏi	94	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
77	050608200297	Lê Nguyễn Phương Đài	HQ8-GE14	Tài chính - Ngân hàng	9.12	Giỏi	93	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
78	030534180244	Phan Phương Tường Vy	DH34KT04	Kế toán	9.12	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
79	030136200596	Nguyễn Thị Mỹ Thảo	DH36DC01	Tài chính - Ngân hàng	9.12	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
80	030835190160	Nguyễn Đức Minh Nhật	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9.12	Giỏi	90	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
81	030136200148	Trần Hồng Hạnh	DH36DC08	Tài chính - Ngân hàng	9.12	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
82	030836200215	Hồ Thị Ngọc Trâm	DH36KQ05	Kinh tế Quốc tế	9.12	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
83	050606180383	Nguyễn Thị Ngân Thùy	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	9.12	Giỏi	88	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
84	030534180189	Trần Thị Kim Thoa	DH34KT03	Kế toán	9.12	Giỏi	87	Tốt	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
85	030336200035	Phan Chí Dũng	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	9.11	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
86	030534180231	Nguyễn Phương Thế Uyên	DH34KT04	Kế toán	9.11	Giỏi	96	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
87	030136200109	Phạm Thị Hạnh Duyên	DH36DC01	Tài chính - Ngân hàng	9.11	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
88	030135190127	Nguyễn Thị Bích Hà	DH35NH06	Ngân hàng	9.11	Giỏi	86	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
89	030534180017	Nguyễn Thị Chung	DH34KT01	Kế toán	9.1	Giỏi	97	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
90	050606180122	Nguyễn Thị Thu Hoài	HQ6-GE10	Tài chính - Ngân hàng	9.1	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
91	030134180444	Nguyễn Phước Tài	HQ6-GE06	Tài chính - Ngân hàng	9.1	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
92	050608200150	Trần Phú Thịnh	HQ8-GE19	Tài chính - Ngân hàng	9.1	Giỏi	92	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
93	050606180271	Lâm Tuyết Nhi	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	9.1	Giỏi	90	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
94	030535190144	Trần Bảo Ngọc	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	9.1	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
95	030534180160	Nguyễn Quỳnh Trúc Quyên	DH34KT03	Kế toán	9.1	Giỏi	88	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
96	030134180560	Trịnh Huỳnh Anh Thư	DH34NH04	Ngân hàng	9.1	Giỏi	88	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
97	030834180060	Nguyễn Kim Giao	DH34KQ02	Kinh tế Quốc tế	9.1	Giỏi	88	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
98	030134180505	Nguyễn Phương Thảo	DH34NH04	Ngân hàng	9.1	Giỏi	88	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
99	030336200200	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	DH36QT06	Quản trị Kinh doanh	9.1	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
100	030134180063	Huỳnh Lệ Dung	DH34NH01	Ngân hàng	9.09	Giỏi	96	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
101	030135190129	Nguyễn Thảo Hà	DH35TC01	Tài chính	9.09	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
102	030236200112	Phạm Thị Ngọc Nhung	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	9.09	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
103	030835190145	Vũ Mai Ngân	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9.09	Giỏi	84	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
104	030534180027	Đặng Thùy Dương	DH34KT01	Kế toán	9.08	Giỏi	96	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
105	050606180055	Hồ Thị Chí Chương	HQ6-GE04	Tài chính - Ngân hàng	9.08	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
106	030136200648	Trần Thụy Anh Thư	DH36DC07	Tài chính - Ngân hàng	9.08	Giỏi	93	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
107	050607190563	Nguyễn Ngọc Trâm	HQ7-GE17	Tài chính - Ngân hàng	9.08	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
108	030134180246	Nguyễn Thị Mai Linh	DH34TC02	Tài chính	9.08	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
109	030135190035	Nguyễn Thiên Ân	DH35TC02	Tài chính	9.08	Giỏi	87	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
110	030534180016	Võ Thị Kim Chi	DH34KT01	Kế toán	9.08	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
111	050608200274	Thái Y Dung	HQ8-GE07	Tài chính - Ngân hàng	9.08	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
112	030135190227	Nguyễn Thị Cẩm Hường	DH35TC02	Tài chính	9.08	Giỏi	81	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
113	030836200241	Võ Thành Viên	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	9.07	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
114	030135190136	Nguyễn Hồng Hạnh	DH35TC03	Tài chính	9.07	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
115	030235190184	Nguyễn Dạ Thảo Uyên	DH35TM02	Thương mại điện tử	9.07	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
116	030234180117	Đặng Thị Cẩm Tiên	DH34TM01	Thương mại điện tử	9.07	Giỏi	86	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
117	030336200045	Lê Trọng Đại	DH36QT04	Quản trị Kinh doanh	9.06	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
118	030234180049	Nguyễn Phúc Huy	DH34TM01	Thương mại điện tử	9.06	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
119	030236200146	La Cẩm Tú	DH36HT02	Thông tin Truyền thông	9.06	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
120	050606180300	Đào Thị Minh Phương	HQ6-GE01	Kế toán	9.05	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
121	030134180617	Đào Thị Tố Uyên	DH34TC05	Tài chính	9.05	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
122	030336200130	Đào Thị Mỹ Linh	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	9.04	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
123	030534180120	Nguyễn Thị Tuyết Nga	DH34KT02	Kế toán	9.04	Giỏi	92	Xuất sắc	29	Giỏi	1,135,000	5,675,000
124	050608200277	Đinh Thảo Duy	HQ8-GE16	Tài chính - Ngân hàng	9.04	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
125	050606180069	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	HQ6-GE03	Quản trị Kinh doanh	9.04	Giỏi	91	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
126	030135190762	Trần Thị Thu Yến	DH35TC02	Tài chính	9.04	Giỏi	90	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
127	030336200002	Trần Đức An	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	9.04	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
128	030336200152	Nguyễn Thị Mỹ	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	9.04	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
129	030534180180	Lê Thị Phương Thanh	DH34KT03	Kế toán	9.04	Giỏi	88	Tốt	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
130	030134180285	Trịnh Đỗ Phương Uyên	DH34NH03	Ngân hàng	9.04	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
131	030835190051	Lê Vương Mỹ Giang	DH35KQ04	Kinh tế Quốc tế	9.03	Giỏi	96	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
132	030534180029	Nguyễn Thị Thùy Dương	DH34KT01	Kế toán	9.03	Giỏi	95	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
133	030534180082	Đoàn Thị Ánh Kiều	DH34KT02	Kế toán	9.03	Giỏi	95	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
134	030235190011	Nguyễn Bảo Chi	DH35TM01	Thương mại điện tử	9.03	Giỏi	94	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
135	030135190467	Trương Thị Kiều Quanh	DH35TC02	Tài chính	9.03	Giỏi	90	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
136	030534180168	Văn Thị Thanh Tâm	DH34KT03	Kế toán	9.03	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
137	030834180072	Nguyễn Thị Thanh Hiền	DH34KQ02	Kinh tế Quốc tế	9.03	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
138	050606180116	Đỗ Nguyễn Hiền Hoa	HQ6-GE11	Tài chính - Ngân hàng	9.03	Giỏi	86	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
139	030334180168	Hoàng Đỗ Kim Ngọc	DH34QT02	Quản trị Kinh doanh	9.03	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
140	030834180273	Nguyễn Thị Hồng Vân	DH34KQ05	Kinh tế Quốc tế	9.03	Giỏi	80	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
141	030134180294	Trương Văn Nam	HQ6-GE06	Tài chính - Ngân hàng	9.02	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
142	030335190333	Dương Thị Kim Xuyên	DH35QT01	Quản trị Kinh doanh	9.02	Giỏi	98	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
143	030134180579	Nguyễn Thùy Trang	HQ6-GE12	Tài chính - Ngân hàng	9.02	Giỏi	96	Xuất sắc	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
144	030836200044	Nguyễn Thị Tuyết Hậu	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	9.02	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
145	030134180090	Trần Thị Hoa Đào	DH34TC01	Tài chính	9.02	Giỏi	90	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
146	050606180231	Nguyễn Thị Thúy Ngân	DH34KT01	Kế toán	9.02	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
147	030434180243	Nguyễn Hồ Thu Uyên	DH34AV04	Ngôn ngữ Anh	9.02	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
148	030535190189	Nguyễn Thị Ngọc Sang	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	9.02	Giỏi	82	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
149	030436200110	Huỳnh Thị Kim Ngân	DH36AV02	Ngôn ngữ Anh	9.01	Giỏi	99	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
150	030534180142	Nguyễn Thúy Lan Nhi	DH34KT03	Kế toán	9.01	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
						Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
151	030836200050	Võ Thị Ngọc	Hiếu	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	9.01	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
152	030836200041	Lương Thị Thu	Hằng	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	9.01	Giỏi	82	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
153	030535190140	Nguyễn Bích	Ngọc	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	9.01	Giỏi	81	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
154	030534180020	Nguyễn Thị	Diệu	DH34KT01	Kế toán	9.0	Giỏi	99	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
155	050606180285	Nguyễn Tuyết	Nhung	HQ6-GE01	Kế toán	9.0	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
156	030534180223	Phạm Phương	Trinh	DH34KT04	Kế toán	9.0	Giỏi	94	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
157	030134180047	Nguyễn Bảo	Chân	DH34TC01	Tài chính	9.0	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
158	030834180140	Nguyễn Thị	Nương	DH34KQ04	Kinh tế Quốc tế	9.0	Giỏi	91	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
159	030135190221	Hoàng Thu	Hương	DH35NH01	Ngân hàng	9.0	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
160	030535190115	Vũ Thị Thanh	Mai	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	9.0	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
161	030136200453	Phạm Thị Cẩm	Nhung	DH36DC07	Tài chính - Ngân hàng	9.0	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
162	030134180302	Lê Thị	Ngà	DH34TC03	Tài chính	9.0	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
163	030336200310	Nguyễn Ngọc Trân	DH36QT06	Quản trị Kinh doanh	9.0	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
164	030136200689	Thái Thị Bích Trâm	DH36DC02	Tài chính - Ngân hàng	9.0	Giỏi	84	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
165	050606180426	Lê Hoàng Tuyết Trinh	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	9.0	Giỏi	83	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
166	030534180216	Nguyễn Thị Huyền Trân	DH34KT04	Kế toán	9.0	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
167	030534180062	Nguyễn Thị Hoàn	DH34KT02	Kế toán	8.99	Giỏi	99	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
168	030135190550	Phạm Thị Mỹ Thơ	DH35TC06	Tài chính	8.99	Giỏi	96	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
169	050608200626	Lê Đoàn Tuấn Tú	HQ8-GE20	Tài chính - Ngân hàng	8.99	Giỏi	96	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
170	030836200234	Thạch Chí Vân	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.99	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
171	030836200076	Trương Thị Thùy Lan	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.99	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
172	030535190182	Đoàn Ngọc Tố Quyên	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán Hệ thống	8.99	Giỏi	89	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
173	030235190181	Nguyễn Thị Út	DH35DN02	Thông tin Quản lý	8.99	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
174	030835190177	Vũ Quỳnh Như	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.99	Giỏi	84	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
175	030136200324	Trần Triệu Mẫn	DH36DC12	Tài chính - Ngân hàng	8.98	Giỏi	96	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
						Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
176	030836200046	Đặng Dịu	Hiền	DH36KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.98	Giỏi	95	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
177	050606180416	Phạm Vũ Như	Trang	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8.98	Giỏi	95	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
178	030536200038	Nguyễn Thị Kim	Hà	DH36KT04	Kế toán	8.98	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
179	050607190025	Mai Thị Kim	Anh	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	8.98	Giỏi	92	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
180	030134180204	Phạm Trọng	Khang	DH34NH02	Ngân hàng	8.98	Giỏi	90	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
181	030234180039	Quách Trần Minh	Hiếu	DH34DN01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.98	Giỏi	86	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
182	030835190265	Chu Hoàng Cẩm	Tú	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.98	Giỏi	84	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
183	030134180170	Trần Ngọc Anh	Huy	DH34TC02	Tài chính	8.97	Giỏi	98	Xuất sắc	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
184	030135190464	Cao Minh	Quang	DH35TC06	Tài chính	8.97	Giỏi	95	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
185	030236200093	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.97	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
186	030135190204	Nguyễn Diệp	Hùng	DH35TC02	Tài chính	8.97	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
187	030236200199	Phan Thị Kiều	Vy	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.97	Giỏi	88	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
188	030536200245	Trần Thị Thanh Trúc	DH36KT06	Kế toán	8.97	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
189	030135190260	Đồng Hoàng Hương Liên	DH35NH06	Ngân hàng	8.97	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
190	050606180277	Nguyễn Phương Đình Nhi	HQ6-GE12	Tài chính - Ngân hàng	8.97	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
191	050607190024	Mai Hoàng Anh	HQ7-GE03	Quản trị Kinh doanh	8.96	Giỏi	99	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
192	050606180332	Trương Đặng Nhật Tân	HQ6-GE06	Tài chính - Ngân hàng	8.96	Giỏi	98	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
193	050607190143	Nguyễn Bảo Gia Hân	HQ7-GE14	Tài chính - Ngân hàng	8.96	Giỏi	96	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
194	030135190327	Nghiêm Đình Nam	DH35TC06	Tài chính	8.96	Giỏi	95	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
195	030434180045	Nguyễn Thị Trà Giang	DH34AV01	Ngôn ngữ Anh	8.96	Giỏi	95	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
196	030835190077	Nguyễn Quỳnh Hoa	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.96	Giỏi	92	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
197	030334180005	Đặng Phương Anh	DH34QT01	Quản trị Kinh doanh	8.96	Giỏi	92	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
198	030836200170	Võ Chí Thành	DH36KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.96	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
199	030534180121	Bùi Thị Kim Ngân	DH34KT02	Kế toán	8.96	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
200	050607190199	Mai Kim Khánh	HQ7-GE17	Tài chính - Ngân hàng	8.96	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)	
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại					
201	030136200131	Nguyễn Thị Hương	Giang	DH36DC14	Tài chính - Ngân hàng	8.96	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
202	030135190092	Lê Thị Thùy	Dương	HQ7-GE18	Tài chính - Ngân hàng	8.95	Giỏi	95	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
203	050607190150	Nguyễn Anh	Hiền	HQ7-GE03	Quản trị Kinh doanh	8.95	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
204	030235190001	Đỗ Thái	An	DH35TM02	Thương mại điện tử	8.95	Giỏi	93	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
205	030836200105	Hồ Trần Châu	Ngọc	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.95	Giỏi	93	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
206	030135190489	Nguyễn Thị Kim	Sang	DH35TC01	Tài chính	8.94	Giỏi	98	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
207	030534180013	Trần Thị Mỹ	Châu	DH34KT01	Kế toán	8.94	Giỏi	96	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
208	050607190049	Pakpahan Nguyễn Hồng	Ân	HQ7-GE03	Quản trị Kinh doanh	8.94	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
209	030535190163	Phạm Thị	Nhung	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	8.94	Giỏi	95	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
210	030534180002	Huỳnh Thị Ngọc	Anh	DH34KT01	Kế toán	8.94	Giỏi	95	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
211	030235190081	Lê Thị Trà	Mi	DH35DN02	Marketing thông tin điện tử	8.94	Giỏi	95	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
212	030336200099	Nguyễn Duy	Hung	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	8.94	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
213	050607190286	Lê Thị Hiếu Ngân	HQ7-GE09	Kế toán	8.94	Giỏi	94	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
214	030134180111	Phan Thị Hà	DH34TC01	Tài chính	8.94	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
215	030235190145	Phạm Thị Thúy	DH35TM02	Thương mại điện tử	8.94	Giỏi	93	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
216	030534180112	Nguyễn Thị Thảo My	DH34KT02	Kế toán	8.94	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
217	030135190138	Tô Thị Hồng Hạnh	DH35TC01	Tài chính	8.94	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
218	030836200242	Nguyễn Thành Việt	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.94	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
219	030836200146	Nguyễn Như Quỳnh	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.94	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
220	050606180094	Lê Thị Ngọc Hằng	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8.94	Giỏi	88	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
221	030134180127	Võ Duy Hào	DH34TC02	Tài chính	8.94	Giỏi	87	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
222	030336200118	Ngô Trần Anh Khoa	DH36QT03	Quản trị Kinh doanh	8.94	Giỏi	87	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
223	030134180350	Đoàn Lê Yến Nhi	DH34NH03	Ngân hàng	8.94	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
224	030535190232	Đỗ Thị Huyền Trang	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	8.94	Giỏi	83	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
225	030236200141	Đào Ngọc Như Tiên	DH36HT02	Thông tin Quản lý	8.94	Giỏi	82	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
226	030136200527	Nguyễn Như Quỳnh	DH36DC02	Tài chính - Ngân hàng	8.94	Giỏi	81	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
227	030136200654	Trần Hoài Thương	DH36DC06	Tài chính - Ngân hàng	8.93	Giỏi	99	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
228	030336200332	Nguyễn Thị Phương Vy	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8.93	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
229	030534180200	Nguyễn Trần Hương Trà	DH34KT04	Kế toán	8.93	Giỏi	96	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
230	050608200343	Võ Gia Hân	HQ8-GE03	Quản trị Kinh doanh	8.93	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
231	030135190299	Nguyễn Thị My Ly	DH35NH03	Ngân hàng	8.93	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
232	030534180094	Hoàng Khánh Linh	DH34KT02	Kế toán	8.93	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
233	030134180393	Triệu An Phúc	DH34NH03	Ngân hàng	8.93	Giỏi	90	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
234	030135190368	Bùi Thanh Ngoan	DH35TC02	Tài chính	8.93	Giỏi	90	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
235	050606180415	Nguyễn Thu Trang	HQ6-GE12	Tài chính - Ngân hàng	8.93	Giỏi	90	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
236	050606180274	Nguyễn Lương Ngọc Nhi	HQ6-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.93	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
237	030434180238	Nguyễn Lê Thanh Trúc	DH34AV04	Ngôn ngữ Anh	8.93	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
238	030534180111	Lê Minh Nguyệt My	DH34KT02	Kế toán	8.93	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
239	030135190473	Kiều Công Bảo Quyên	DH35TC07	Tài chính	8.93	Giỏi	87	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
240	030534180241	Huỳnh Nguyễn Kiều Vy	DH34KT04	Kế toán	8.93	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
241	030836200202	Trương Anh Thư	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.93	Giỏi	83	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
242	030834180025	Đỗ Thị Quý Công	DH34KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.93	Giỏi	81	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
243	050606180160	Lâm Quang Khánh	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8.92	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
244	030336200058	Dương Thảo Hà	DH36QT04	Quản trị Kinh doanh	8.92	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
245	030135190699	Mai Thị Ánh Tuyết	DH35TC07	Tài chính	8.92	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
246	030536200052	Mai Thu Hiền	DH36KT03	Kế toán	8.92	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
247	030236200202	Đoàn Thị Như Ý	DH36HT02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.92	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
248	050607190001	Đỗ Thị Ái	HQ7-GE14	Tài chính - Ngân hàng	8.92	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
249	030836200214	Trần Thị Trang	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.92	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
250	050607190409	Trịnh Thanh Phương	HQ7-GE01	Kế toán	8.92	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
251	030234180032	Cao Thị Hồng Hạnh	DH34DN01	Hệ thống tin Quản lý	8.92	Giỏi	86	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
252	030134180307	Huỳnh Kim Ngân	DH34NH03	Ngân hàng	8.92	Giỏi	81	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
253	030535190066	Uông Huỳnh Kim Hân	HQ7-GE01	Kế toán	8.91	Giỏi	98	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
254	050606180431	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	HQ6-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.91	Giỏi	95	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
255	050607190458	Nguyễn Lê Kim Thanh	HQ7-GE18	Tài chính - Ngân hàng	8.91	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
256	030836200114	Trần Thị Quỳnh Nha	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.91	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
257	030135190145	Nguyễn Thị Như Hào	DH35NH05	Ngân hàng	8.91	Giỏi	91	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
258	030135190663	Nguyễn Thị Lệ Trinh	DH35TC05	Tài chính	8.91	Giỏi	91	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
259	030836200069	Bùi Thị Diễm Hương	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.91	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
260	030236200153	Lê Thị Thu Thảo	DH36HT01	Hệ thống tin Quản lý	8.91	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
261	050607190512	Nguyễn Thị Anh Thư	HQ7-GE17	Tài chính - Ngân hàng	8.91	Giỏi	82	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
262	030134180589	Nguyễn Thị Thùy Trâm	DH34NH05	Ngân hàng	8.9	Giỏi	99	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
263	030534180038	Phạm Thị Giang	DH34KT01	Kế toán	8.9	Giỏi	96	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
264	030134180197	Trần Quốc Kiệt	DH34TC02	Tài chính	8.9	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
265	050608200708	Nguyễn Lê Thanh Thy	HQ8-GE14	Tài chính - Ngân hàng	8.9	Giỏi	96	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
266	030434180168	Nguyễn Thị Ngọc Quế	DH34AV03	Ngôn ngữ Anh	8.9	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
267	030334180220	Nguyễn Trọng Tài	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8.9	Giỏi	93	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
268	030135190122	Bùi Thị Ngọc Hà	DH35NH03	Ngân hàng	8.9	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
269	030835190134	Dương Thị Ngọc Nga	DH35KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.9	Giỏi	91	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
270	030336200011	Trần Thị Huỳnh Anh	DH36QT04	Quản trị Kinh doanh	8.9	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
271	030834180183	Tô Thị Thảo Nhung	DH34KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.9	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
272	030835190058	Nguyễn Nhật Hạnh	DH35KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.9	Giỏi	89	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
273	030835190202	Lê Thị Thu Sương	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.9	Giỏi	89	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
274	030434180218	Lê Thị Hà Trang	DH34AV04	Ngôn ngữ Anh	8.9	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
						Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
275	030134180184	Trần Thị Như	Huỳnh	DH34NH02	Ngân hàng	8.9	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
276	030336200082	Nông Minh	Hoàn	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8.9	Giỏi	88	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
277	030234180063	Đào Phương	Lâm	DH34DN01	Quản trị Marketing thông tin độc lập	8.9	Giỏi	86	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
278	030135190371	Kha Thị Ánh	Ngọc	DH35TC07	Tài chính	8.9	Giỏi	84	Tốt	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
279	030135190007	Nguyễn Lê Nhật	An	DH35NH04	Ngân hàng	8.9	Giỏi	84	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
280	030534180085	Nguyễn Thị	Lai	DH34KT02	Kế toán	8.9	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
281	030335190339	Lê Thị	Yến	DH35QT02	Quản trị Kinh doanh	8.9	Giỏi	83	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
282	030134180354	Nguyễn Hải Đan	Nhi	DH34TC03	Tài chính	8.9	Giỏi	83	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
283	030336200065	Ngô Nguyệt Thanh	Hằng	DH36QT03	Quản trị Kinh doanh	8.9	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
284	050608200414	Huỳnh Trần Trúc	Linh	HQ8-GE11	Quản trị Kinh doanh	8.89	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
285	030735190078	Nguyễn Thị Bích	Ngà	DH35LK02	Luật kinh tế	8.89	Giỏi	95	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
286	050608200460	Quách Hằng	Ni	HQ8-GE11	Quản trị Kinh doanh	8.89	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
287	030534180074	Nguyễn Thị	Hương	DH34KT02	Kế toán	8.89	Giỏi	93	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
288	030235190111	Đinh Ngọc Oanh	DH35TM01	Thương mại điện tử	8.89	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
289	030336200258	Nguyễn Thị Thu Thanh	DH36QT04	Quản trị Kinh doanh	8.89	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
290	050606180054	Lưu Văn Chung	HQ6-GE07	Kế toán	8.89	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
291	050606180146	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	HQ6-GE04	Tài chính - Ngân hàng	8.89	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
292	030836200034	Nguyễn Thị Bích Đàm	DH36KQ05	Kinh tế Quốc tế	8.89	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
293	030135190150	Nguyễn Thị Hằng	DH35TC03	Tài chính	8.88	Giỏi	99	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
294	050606180197	Tô Thị Hoàng Lộc	HQ6-GE01	Kế toán	8.88	Giỏi	99	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
295	030534180026	Trần Thị Duyên	DH34KT01	Kế toán	8.88	Giỏi	96	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
296	030436200016	Huỳnh Quốc Bảo	DH36AV02	Ngôn ngữ Anh	8.88	Giỏi	96	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
297	050607190161	Nguyễn Thị Minh Hoài	HQ7-GE10	Quản trị Kinh doanh	8.88	Giỏi	94	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
298	030134180069	Đỗ Đăng Duy	DH34NH01	Ngân hàng	8.88	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
299	050606180225	Đinh Thị Kim Ngân	HQ6-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.88	Giỏi	91	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
300	030134180511	Trần Thị Kim Thảo	DH34TC04	Tài chính	8.88	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
301	030134180353	Lê Thị Yến Nhi	DH34NH03	Ngân hàng	8.88	Giỏi	91	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
302	030134180391	Nguyễn Vinh Phúc	DH34TC04	Tài chính	8.88	Giỏi	91	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
303	030335190087	Trần Thị Lan Hương	DH35MK03	Marketing	8.88	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
304	030836200115	Phan Lê Thanh Nhã	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.88	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
305	030134180223	Nguyễn Thị Minh Liên	DH34TC02	Tài chính	8.88	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
306	030236200159	Nguyễn Hà Thi	DH36HT03	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.88	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
307	050606180459	Nghiêm Hoàng Thảo Vy	HQ6-GE06	Tài chính - Ngân hàng	8.88	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
308	030336200367	Trần Thị Mỹ Sang	DH36QT07	Quản trị Kinh doanh	8.88	Giỏi	82	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
309	030834180022	Nguyễn Hồng Ngọc Bích	DH34KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.88	Giỏi	81	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
310	030534180022	Đinh Phạm Thúy Duyên	DH34KT01	Kế toán	8.87	Giỏi	96	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
311	050607190675	Võ Tường Vy	HQ7-GE16	Tài chính - Ngân hàng	8.87	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)	
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại					
312	030534180089	Nguyễn Thị Hồng	Lên	DH34KT02	Kế toán	8.87	Giỏi	94	Xuất sắc	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
313	030234180087	Nguyễn Trần Tiến	Nghĩa	DH34TM01	Thương mại điện tử	8.87	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
314	030534180078	Phạm Thị	Hương	DH34KT02	Kế toán	8.87	Giỏi	93	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
315	050606180201	Võ Thành	Lợi	HQ6-GE10	Tài chính - Ngân hàng	8.87	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
316	030535190185	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	HQ7-GE09	Kế toán	8.87	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
317	030535190077	Đỗ Thị Thu	Hòa	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	8.87	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
318	050606180092	Lê Thị Kim	Hào	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8.87	Giỏi	88	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
319	030835190052	Nguyễn Hải	Giang	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.87	Giỏi	85	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
320	030135190558	Phạm Thị	Thúy	DH35TC04	Tài chính	8.87	Giỏi	84	Tốt	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000
321	030136200692	Bùi Châu Huyền	Trân	DH36DC11	Tài chính - Ngân hàng	8.87	Giỏi	84	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
322	030134180404	Huỳnh Anh	Phương	DH34TC04	Tài chính	8.87	Giỏi	83	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
323	030135190715	Hà Thanh	Vân	DH35TC02	Tài chính	8.87	Giỏi	83	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
324	030835190152	Vương Thị Ánh	Ngọc	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.87	Giỏi	82	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
325	030534180131	Nguyễn Thị Ngọc	DH34KT03	Kế toán	8.86	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
326	050606180366	Nguyễn Thị Thu Thảo	HQ6-GE01	Kế toán	8.86	Giỏi	96	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
327	050607190094	Phạm Châu Kỳ Duyên	HQ7-GE18	Tài chính - Ngân hàng	8.86	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
328	030835190278	Nguyễn Thị Thanh Vân	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.86	Giỏi	93	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
329	030836200169	Nguyễn Thị Thanh	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.86	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
330	030334180057	Võ Thị Thùy Em	DH34MK01	Marketing	8.86	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
331	030534180047	Huỳnh Ngọc Hân	DH34KT01	Kế toán	8.86	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
332	030536200296	Cáp Thị Hiền My	DH36KT02	Kế toán	8.86	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
333	030336200368	Nguyễn Phan Kiên Trinh	DH36QT07	Quản trị Kinh doanh	8.86	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
334	050608200045	Cao Nguyễn Ngọc Giàu	HQ8-GE07	Tài chính - Ngân hàng	8.86	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
335	050608200282	Trương Hoàng Nhật Duy	HQ8-GE17	Tài chính - Ngân hàng	8.86	Giỏi	92	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
336	030235190157	Phạm Thùy Trang	DH35TM02	Thương mại điện tử	8.86	Giỏi	90	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
337	030535190134	Phan Thị Thu Ngân	DH35KT05	Kế toán - Kiểm toán	8.86	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
338	030136200359	Lê Thị Thanh Ngân	DH36DC01	Tài chính - Ngân hàng	8.86	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
339	030336200360	Trần Hà Bảo Ngọc	DH36QT07	Quản trị Kinh doanh	8.86	Giỏi	87	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
340	050606180207	Vương Tiểu Mẫn	HQ6-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.86	Giỏi	85	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
341	050607190551	Nguyễn Hoàng Thu Trang	HQ7-GE16	Tài chính - Ngân hàng	8.86	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
342	030134180669	Trần Thị Hoàng Yến	DH34NH05	Ngân hàng	8.85	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
343	030336200333	Nguyễn Thị Thuỳ Vy	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8.85	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
344	050606180284	Nguyễn Thị Thuỳ Nhiên	HQ6-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.85	Giỏi	95	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
345	050607190252	Nguyễn Xuân Mai	HQ7-GE06	Tài chính - Ngân hàng	8.85	Giỏi	94	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
346	030434180002	Nguyễn Hải An	DH34AV01	Ngôn ngữ Anh	8.85	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
347	030336200079	Huỳnh Thị Tuyết Hoa	DH36QT01	Quản trị Kinh doanh	8.85	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
348	030835190164	Nguyễn Thị Yến Nhi	DH35KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.85	Giỏi	92	Xuất sắc	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000
349	030835190127	Nguyễn Thị Ngọc Mai	DH35KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.85	Giỏi	92	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
350	050608200102	Nguyễn Ngọc Ngân	HQ8-GE17	Tài chính - Ngân hàng	8.85	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
351	030134180330	Đặng Thị Bích Ngọc	DH34TC03	Tài chính	8.85	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
352	030235190162	Lý Huyền Trâm	DH35DN01	riệ trong thông tin đoanh	8.85	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
353	030836200231	Quách Tịnh Văn	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.85	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
354	030836200092	Nguyễn Thị Lương	DH36KQ05	Kinh tế Quốc tế	8.85	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
355	050607190456	Lê Thị Hồng Thanh	HQ7-GE14	Tài chính - Ngân hàng	8.85	Giỏi	88	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
356	050607190624	Ngô Trúc Uyên	HQ7-GE09	Kế toán	8.85	Giỏi	88	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
357	050606180074	Neáng Linl Đa	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8.85	Giỏi	86	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
358	030135190268	Lê Trương Phương Linh	DH35TC07	Tài chính	8.85	Giỏi	84	Tốt	29	Giỏi	1,135,000	5,675,000
359	030135190065	Trần Thị Ngọc Diễm	DH35TC07	Tài chính	8.85	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
360	030535190180	Nguyễn Khanh Quân	DH35KT05	Kế toán - Kiểm toán	8.84	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
361	050606180396	Trần Hoàng Minh Thư	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8.84	Giỏi	95	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
362	030735190042	Lý Mỹ Hiệp	DH35LK02	Luật kinh tế	8.84	Giỏi	94	Xuất sắc	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
363	030535190248	Huỳnh Lê Phương Trâm	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	8.84	Giỏi	94	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
364	030836200213	Nguyễn Thị Huyền Trang	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.84	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
365	030135190520	Nguyễn Thị Phương Thảo	DH35TC02	Tài chính	8.84	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
366	030836200081	Nguyễn Thị Ngọc Linh	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.84	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
367	030134180435	Tổng Hương Quỳnh	HQ6-GE06	Tài chính - Ngân hàng	8.84	Giỏi	89	Tốt	27	Giỏi	1,135,000	5,675,000
368	030136200729	Lê Thị Thu Uyên	DH36DC01	Tài chính - Ngân hàng	8.84	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
369	030134180349	Lê Quốc Nhật	DH34NH03	Ngân hàng	8.84	Giỏi	88	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
370	030436200050	Nguyễn Nhị Hải	DH36AV05	Ngôn ngữ Anh	8.84	Giỏi	87	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
371	050607190263	Trần Thị Mơ	HQ7-GE08	Kế toán	8.84	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
372	030836200190	Hồ Thị Như Thùy	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.84	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
373	030336200164	Nguyễn Phương Nghi	DH36QT03	Quản trị Kinh doanh	8.84	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
374	030134180351	Lê Hoàng Quyển Nhi	DH34NH03	Ngân hàng	8.84	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
375	030534180064	Vũ Thị Hồng	DH34KT02	Kế toán	8.83	Giỏi	99	Xuất sắc	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)	
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại					
376	030534180035	Hoàng Thị Trà	Giang	DH34KT01	Kế toán	8.83	Giỏi	99	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
377	030135190707	Nguyễn Thị Thùy	Uyên	DH35TC07	Tài chính	8.83	Giỏi	97	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
378	050606180433	Nguyễn Minh	Trung	HQ6-GE02	Quản trị Kinh doanh	8.83	Giỏi	95	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
379	050606180380	Phan Quỳnh	Thu	HQ6-GE03	Quản trị Kinh doanh	8.83	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
380	030535190100	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	8.83	Giỏi	93	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
381	030135190514	Hoàng Thị Thu	Thảo	DH35TC02	Tài chính	8.83	Giỏi	92	Xuất sắc	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
382	030134180628	Nguyễn Hoàng Thuý Vân		DH34TC05	Tài chính	8.83	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
383	030534180069	Phan Thị	Huyền	DH34KT02	Kế toán	8.83	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
384	030234180019	Vũ Thị Mai	Diệu	DH34TM01	Thương mại điện tử	8.83	Giỏi	91	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
385	050607190238	Nguyễn Thị	Loan	HQ7-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.83	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
386	030735190070	Phan Huỳnh	Mai	DH35LK02	Luật kinh tế	8.83	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
387	030134180611	Tô Phương	Trúc	DH34TC05	Tài chính	8.83	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
388	050607190403	Nguyễn Thôi Kim	Phương	HQ7-GE17	Tài chính - Ngân hàng	8.83	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
389	030836200031	Trần Quốc Đạt	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.83	Giỏi	82	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
390	030136200746	Phạm Thảo Vân	DH36DC04	Tài chính - Ngân hàng	8.83	Giỏi	81	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
391	030534180018	Trần Thị Diễm	DH34KT01	Kế toán	8.82	Giỏi	99	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
392	030534180039	Võ Ngọc Hương Giang	DH34KT01	Kế toán	8.82	Giỏi	95	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
393	030335190257	Nguyễn Thị Thu Thủy	DH35MK01	Marketing	8.82	Giỏi	94	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
394	030134180048	Hồ Hoàng Châu	DH34TC01	Tài chính	8.82	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
395	030836200022	Đỗ Thị Duyên	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.82	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
396	110301190026	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	DH35DD02	Quản trị Kinh doanh	8.82	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
397	030236200084	Nguyễn Thị Kiều My	DH36HT02	Quản trị Marketing	8.82	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
398	030336200277	Mai Thị Thu	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8.82	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
399	050608200098	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	HQ8-GE08	Tài chính - Ngân hàng	8.82	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
400	030134180370	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	DH34NH03	Ngân hàng	8.82	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
401	030336200124	Lương Thị Mỹ Lệ	DH36QT01	Quản trị Kinh doanh	8.82	Giỏi	86	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
402	030135190197	Nguyễn Thị Kim Hoanh	DH35NH01	Ngân hàng	8.82	Giỏi	85	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
403	030835190113	Tạ Thị Thùy Linh	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.82	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
404	030334180238	Huỳnh Thanh Thảo	DH34QT02	Quản trị Kinh doanh	8.82	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
405	050606180071	Nguyễn Thị Thùy Dương	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8.82	Giỏi	83	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
406	030135190265	Huỳnh Hồ Yến Linh	DH35NH06	Ngân hàng	8.82	Giỏi	80	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
407	030535190284	Hồ Thị Như Ý	DH35KT05	Kế toán - Kiểm toán	8.81	Giỏi	97	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
408	050607190523	Nguyễn Thị Song Thương	HQ7-GE11	Quản trị Kinh doanh	8.81	Giỏi	97	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
409	030336200369	Phạm Minh Trường	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8.81	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
410	030135190554	Đặng Thị Thu Thủy	DH35NH02	Ngân hàng	8.81	Giỏi	95	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
411	030134180157	Đào Việt Hoàng	DH34TC02	Tài chính	8.81	Giỏi	95	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
412	050607190297	Trần Thị Hương Ngân	HQ7-GE18	Tài chính - Ngân hàng	8.81	Giỏi	95	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
413	050607190436	Ah Reza	HQ7-GE18	Tài chính - Ngân hàng	8.81	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
						Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
414	030734180036	Huỳnh Hồ Ngọc	Huyền	DH34LK01	Luật kinh tế	8.81	Giỏi	93	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
415	030336200060	Phan Thị Thu	Hà	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	8.81	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
416	050607190578	Lê Mộng Hương	Trình	HQ7-GE08	Kế toán	8.81	Giỏi	92	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
417	030534180154	Đoàn Lư	Phúc	DH34KT03	Kế toán	8.81	Giỏi	91	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
418	050607190668	Trương Ngọc Cẩm	Vy	HQ7-GE13	Quản trị Kinh doanh	8.81	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
419	030136200672	Trương Thị Huyền	Trang	DH36DC07	Tài chính - Ngân hàng	8.81	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
420	050606180270	Huỳnh Thanh	Nhi	HQ6-GE01	Kế toán	8.81	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
421	030834180071	Lê Thị	Hiền	DH34KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.81	Giỏi	87	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
422	030234180142	Nguyễn Quỳnh Phương	Trâm	DH34TM01	Thương mại điện tử	8.81	Giỏi	86	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
423	030834180112	Tạ Gia Ngân	Linh	DH34KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.81	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
424	050607190328	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	HQ7-GE16	Tài chính - Ngân hàng	8.8	Giỏi	99	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
425	050607190543	Nguyễn Thanh	Tòng	HQ7-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.8	Giỏi	99	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
426	050606180194	Vương Đức	Long	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8.8	Giỏi	97	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
427	030434180245	Nguyễn Thị Phương Uyên	DH34AV04	Ngôn ngữ Anh	8.8	Giỏi	95	Xuất sắc	26	Giỏi	1,135,000	5,675,000
428	030134180081	Trần Thị Mỹ Duyên	DH34TC01	Tài chính	8.8	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
429	030335190038	Lê Quảng Đại	DH35MK02	Marketing	8.8	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
430	030835190150	Trần Hương Hoài Ngọc	DH35KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.8	Giỏi	94	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
431	030234180046	Lê Hoàng Huy	DH34DN01	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	8.8	Giỏi	94	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
432	030534180042	Đặng Thị Mỹ Hạnh	DH34KT01	Kế toán	8.8	Giỏi	93	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
433	030135190117	Phạm Thanh Tâm Đức	DH35TC03	Tài chính	8.8	Giỏi	93	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
434	030836200187	Trần Hồ Minh Thơ	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.8	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
435	030535190177	Từ Thị Minh Phương	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8.8	Giỏi	92	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
436	030534180055	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH34KT01	Kế toán	8.8	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
437	030135190075	Phạm Thị Dung	DH35NH03	Ngân hàng	8.8	Giỏi	91	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
438	030135190030	Võ Phương Anh	DH35TC03	Tài chính	8.8	Giỏi	91	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
439	030134180274	Nguyễn Quỳnh Mai	DH34TC03	Tài chính	8.8	Giỏi	90	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
440	030136200302	Huỳnh Tấn Lộc	DH36DC09	Tài chính - Ngân hàng	8.8	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
441	030434180246	Chữ Thị Vân	DH34AV04	Ngôn Ngữ Anh	8.8	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
442	050607190061	Nguyễn Huỳnh Minh	HQ7-GE15	Tài chính - Ngân hàng	8.8	Giỏi	88	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
443	030134180429	Ung Thị Thúy Quyên	DH34NH04	Ngân hàng	8.8	Giỏi	88	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
444	030234180036	Hồ Trúc Hân	DH34TM01	Thương mại điện tử	8.8	Giỏi	86	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
445	030534180187	Lê Thị Kim Thắm	DH34KT03	Kế toán	8.8	Giỏi	85	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
446	050606180037	Nguyễn Phạm Thái Cường	HQ6-GE02	Quản trị Kinh doanh	8.8	Giỏi	82	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
447	050607190125	Lưu Thị Thu Hà	HQ7-GE10	Quản trị Kinh doanh	8.79	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
448	050606180241	Phan Hữu Nghĩa	HQ6-GE10	Tài chính - Ngân hàng	8.79	Giỏi	95	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
449	030336200143	Phạm Thị Như Lý	DH36QT04	Quản trị Kinh doanh	8.79	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
450	030336200150	Nguyễn Đỗ Hoài My	DH36QT06	Quản trị Kinh doanh	8.79	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
451	050608200128	Nguyễn Diễm Quỳnh	HQ8-GE14	Tài chính - Ngân hàng	8.79	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
452	030135190242	Trần Khôi	DH35NH04	Ngân hàng	8.79	Giỏi	90	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
453	030836200015	Nguyễn Hồ Kim Chi	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.79	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
454	050608200259	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	HQ8-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.79	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
455	030134180489	Trần Hữu Thái	DH34TC04	Tài chính	8.79	Giỏi	88	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
456	030134180422	Nguyễn Tuyết Quân	DH34NH04	Ngân hàng	8.79	Giỏi	88	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
457	050608200005	Lê Hồ Lan Anh	HQ8-GE15	Tài chính - Ngân hàng	8.79	Giỏi	88	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
458	030234180043	Đặng Thị Ánh Hồng	DH34TM01	Thương mại điện tử	8.79	Giỏi	86	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
459	050608200709	Nguyễn Ngọc Anh Thy	HQ8-GE10	Kế toán	8.79	Giỏi	84	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
460	030835190173	Lương Thị Huỳnh Như	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.79	Giỏi	82	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
461	030836200101	Phạm Thị Thanh Ngân	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.78	Giỏi	99	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
462	030534180057	Trần Thị Thu Hiền	DH34KT01	Kế toán	8.78	Giỏi	97	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
463	030534180023	Lê Thị Minh Duyên	DH34KT01	Kế toán	8.78	Giỏi	97	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
464	030535190221	Nguyễn Minh Thư	DH35KT03	Kế toán - Kiểm toán	8.78	Giỏi	97	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
465	030335190183	Nguyễn Thân Vân Nhi	DH35MK02	Marketing	8.78	Giỏi	96	Xuất sắc	27	Giỏi	1,135,000	5,675,000
466	050608200608	Nguyễn Trí Tài	HQ8-GE16	Tài chính - Ngân hàng	8.78	Giỏi	95	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
467	030535190167	Trần Thị Quỳnh Như	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	8.78	Giỏi	93	Xuất sắc	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000
468	030434180104	Lê Thị Ngọc Mai	DH34AV02	Ngôn ngữ Anh	8.78	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
469	030535190128	Đặng Thị Ngân	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8.78	Giỏi	91	Xuất sắc	29	Giỏi	1,135,000	5,675,000
470	030234180059	Lê Huỳnh Khanh	DH34DN01	Marketing thông tin điện tử	8.78	Giỏi	91	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
471	050608200090	Bùi Thị Diễm Mi	HQ8-GE19	Tài chính - Ngân hàng	8.78	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
472	030535190203	Nguyễn Thị Phương Thảo	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8.78	Giỏi	90	Xuất sắc	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000
473	030336200245	Trịnh Quang Tùng	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	8.78	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
474	030134180042	Trần Thị Bình	DH34NH01	Ngân hàng	8.78	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
475	030135190174	Trịnh Thị Thu Hiền	DH35TC03	Tài chính	8.78	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
476	030836200211	Lê Thị Thu Trang	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.78	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
477	050607190511	Nguyễn Thị Anh Thư	HQ7-GE14	Tài chính - Ngân hàng	8.78	Giỏi	88	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
478	030534180176	Trương Bội Tuyền	DH34KT04	Kế toán	8.78	Giỏi	87	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
479	030434180025	Huỳnh Thúy Diễm	DH34AV01	Ngôn ngữ Anh	8.78	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
480	030836200177	Nguyễn Thị Thu Thảo	DH36KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.78	Giỏi	85	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
481	030134180426	Lê Phương Quyên	HQ6-GE06	Tài chính - Ngân hàng	8.78	Giỏi	84	Tốt	27	Giỏi	1,135,000	5,675,000
482	030534180225	Võ Phạm Ngọc Trinh	DH34KT04	Kế toán	8.78	Giỏi	84	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
483	050606180029	Đặng Ngọc Gia Bảo	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8.78	Giỏi	83	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
484	030535190022	Bùi Thị Kim Chi	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	8.77	Giỏi	96	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
485	050606180288	Đặng Thị Yến Như	HQ6-GE01	Kế toán	8.77	Giỏi	94	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
486	030236200079	Nguyễn Thị Ly	DH36HT02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.77	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
487	050608200347	Trần Thục Hiền	HQ8-GE17	Tài chính - Ngân hàng	8.77	Giỏi	93	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
488	050606180406	Võ Thị Hoài Thương	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8.77	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
489	050608200376	Hoàng Nguyễn Thanh	HQ8-GE07	Tài chính - Ngân hàng	8.77	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
490	030235190179	Đỗ Hiếu Tuyết	DH35TM01	Thương mại điện tử	8.77	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
491	030235190182	Đinh Thị Thảo Uyên	DH35DN02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.77	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
492	030835190042	Trần Thị Bích Đào	DH35KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.77	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
493	050606180057	Lê Thị Mỹ Diễm	HQ6-GE11	Tài chính - Ngân hàng	8.77	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
494	030835190125	Trần Thị Cẩm Ly	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.77	Giỏi	88	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
495	030135190335	Nguyễn Thị Vương Nga	HQ7-GE16	Tài chính - Ngân hàng	8.77	Giỏi	88	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
496	030335190319	Trần Thị Trúc Vi	DH35QT03	Quản trị Kinh doanh	8.77	Giỏi	87	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
497	030534180153	Tạ Thanh Phong	DH34KT03	Kế toán	8.77	Giỏi	85	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
498	030134180535	Bùi Thị Thom	DH34TC04	Tài chính	8.77	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
499	030134180397	Bùi Thị Mai Phương	DH34TC04	Tài chính	8.77	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
500	050606180080	Phạm Thái Đạt	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8.77	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
501	030236200024	Châu Hà Phương Du	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	8.77	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
502	050607190597	Lê Quan Trường	HQ7-GE04	Tài chính - Ngân hàng	8.77	Giỏi	83	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
503	050607190500	Võ Thị Thu Thủy	HQ7-GE07	Tài chính - Ngân hàng	8.76	Giỏi	99	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
						Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
504	030534180193	Lê Thị Kim	Thùy	DH34KT03	Kế toán	8.76	Giỏi	95	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
505	030534180025	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	DH34KT01	Kế toán	8.76	Giỏi	94	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
506	030534180195	Phạm Thị Thanh	Thủy	DH34KT03	Kế toán	8.76	Giỏi	94	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
507	030836200199	Hoàng Lê Minh	Thư	DH36KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.76	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
508	030805170362	Nguyễn Thị Minh	Phương	HQ5-GE09	Tài chính - Ngân hàng	8.76	Giỏi	93	Xuất sắc	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
509	030835190259	Huỳnh Thị	Trúc	DH35KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.76	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
510	030835190009	Vũ Hà Vân	Anh	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.76	Giỏi	92	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
511	030534180175	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	DH34KT04	Kế toán	8.76	Giỏi	91	Xuất sắc	27	Giỏi	1,135,000	5,675,000
512	030734180082	Đặng Như	Quỳnh	DH34LK02	Luật kinh tế	8.76	Giỏi	91	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
513	030135190281	Trần Kiều Mai	Linh	DH35TC04	Tài chính	8.76	Giỏi	91	Xuất sắc	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
514	030134180183	Trần Nguyên Mai	Huỳnh	DH34TC02	Tài chính	8.76	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
515	030135190500	Trần Đỗ Minh	Tâm	DH35NH02	Ngân hàng	8.76	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
516	030335190018	Đặng Thị Hải	Âu	DH35MK03	Marketing	8.76	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
517	030836200184	Nguyễn Minh Thi	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.76	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
518	030336200022	Trương Thị Bình	DH36QT04	Quản trị Kinh doanh	8.76	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
519	030336200237	Trương Mỹ Tâm	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8.76	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
520	050606180140	Phạm Ngọc Huyền	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8.76	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
521	050608200612	Tổng Mỹ Tâm	HQ8-GE09	Kế toán	8.76	Giỏi	87	Tốt	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
522	030534180145	Phạm Nguyễn Mẫn Nhi	DH34KT03	Kế toán	8.76	Giỏi	86	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
523	050606180266	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	HQ6-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.76	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
524	030835190159	Nguyễn Ngọc Uyên Nhân	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8.76	Giỏi	84	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
525	030836200089	Vũ Thành Long	DH36KQ04	Kinh tế Quốc tế	8.76	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
526	030336200184	Nguyễn Hồng Yến Nhi	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	8.76	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
527	030834180213	Ngô Minh Tú	DH34KQ05	Kinh tế Quốc tế	8.76	Giỏi	81	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
528	030234180006	Nguyễn Thị Tú Anh	DH34DN01	Kinh tế Quốc tế	8.75	Giỏi	94	Xuất sắc	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000
529	030835190083	Nguyễn Thị Thanh Huyền	DH35KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.75	Giỏi	94	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
530	030134180212	Võ Thiện Khánh	DH34TC02	Tài chính	8.75	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
531	030235190080	Lê Huyền Mi	DH35TM01	Thương mại điện tử	8.75	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
532	030836200064	Lê Thị Thu Huyền	DH36KQ02	Kinh tế Quốc tế	8.75	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
533	030534180179	Lê Ngọc Hà Thanh	DH34KT03	Kế toán	8.75	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
534	030336200329	Đào Nguyễn Diệu Vy	DH36QT07	Quản trị Kinh doanh	8.75	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
535	030235190057	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	DH35DN02	Hệ thống thông tin đoanh	8.75	Giỏi	90	Xuất sắc	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
536	030135190066	Trương Hồng Ngọc Diễm	DH35NH02	Ngân hàng	8.75	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
537	030336200266	Phạm Thị Diệu Thảo	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8.75	Giỏi	90	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
538	030734180014	Lý Hồng Ngọc Diễm	DH34LK01	Luật kinh tế	8.75	Giỏi	89	Tốt	28	Giỏi	1,135,000	5,675,000
539	050606180047	Đặng Vân Chi	HQ6-GE04	Tài chính - Ngân hàng	8.75	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1,135,000	5,675,000
540	030134180252	Trương Nguyễn Thảo Linh	DH34NH02	Ngân hàng	8.75	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
541	030534180214	Trương Thị Bích Trâm	DH34KT04	Kế toán	8.75	Giỏi	87	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
542	030836200040	Võ Minh Kiều Hạnh	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.75	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
543	030836200189	Lương Thị Thanh Thuỷ	DH36KQ01	Kinh tế Quốc tế	8.75	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
544	030736200087	Đào Thị Hồng Nhung	DH36LK04	Luật kinh tế	8.74	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
545	030335190317	Nguyễn Nhật Vi	DH35QT01	Quản trị Kinh doanh	8.74	Giỏi	96	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
546	030835190163	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi	DH35KQ05	Kinh tế Quốc tế	8.74	Giỏi	94	Xuất sắc	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
547	030534180014	Võ Ngọc Minh Châu	DH34KT01	Kế toán	8.74	Giỏi	93	Xuất sắc	23	Giỏi	1,135,000	5,675,000
548	030534180197	Phan Nguyễn Anh Thư	DH34KT03	Kế toán	8.74	Giỏi	93	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
549	030335190162	Đỗ Thị Hồng Ngọc	DH35MK01	Marketing	8.74	Giỏi	92	Xuất sắc	25	Giỏi	1,135,000	5,675,000
550	030805170130	Bùi Nguyên Thiên Phúc	HQ5-GE02	Tài chính - Ngân hàng	8.74	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
551	030334180112	Lê Thị Ngọc Lan	DH34QT01	Quản trị Kinh doanh	8.74	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
552	030336200206	Ngô Thị Kim Phụng	DH36QT07	Quản trị Kinh doanh	8.74	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
553	030136200533	Trịnh Thị Hương Quỳnh	DH36DC01	Tài chính - Ngân hàng	8.74	Giỏi	92	Xuất sắc	16	Giỏi	1,135,000	5,675,000
554	050606180268	Nguyễn Thiện Nhân	HQ6-GE10	Tài chính - Ngân hàng	8.74	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
555	030134180203	Lê Vũ Khang	DH34TC02	Tài chính	8.74	Giỏi	89	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000

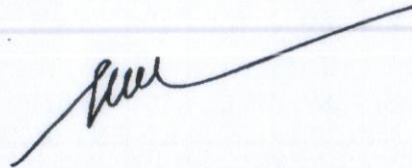
STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
556	030335190336	Phan Thị Như Ý	DH35QT03	Quản trị Kinh doanh	8.74	Giỏi	89	Tốt	22	Giỏi	1,135,000	5,675,000
557	030134180564	Nguyễn Thị Hoài Thương	DH34TC05	Tài chính	8.74	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1,135,000	5,675,000
558	030836200057	Nguyễn Lê Tuấn Hùng	DH36KQ05	Kinh tế Quốc tế	8.74	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
559	030336200015	Phan Khắc Bảo Ân	DH36QT03	Quản trị Kinh doanh	8.74	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
560	030336200067	Phạm Thị Hằng	DH36QT04	Quản trị Kinh doanh	8.74	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
561	050608200369	Nguyễn Huỳnh Phạm Huy	HQ8-GE08	Tài chính - Ngân hàng	8.74	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
562	050608200568	Ngô Thị Kim Phước	HQ8-GE05	Tài chính - Ngân hàng	8.74	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
563	050606180252	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	HQ6-GE11	Tài chính - Ngân hàng	8.74	Giỏi	88	Tốt	20	Giỏi	1,135,000	5,675,000
564	030236200224	Phạm Kim Vy	DH36HT01	Thông tin Hệ thống	8.74	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
565	030334180002	Nguyễn Trần Xuân An	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8.74	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1,135,000	5,675,000
566	030135190648	Lê Thị Bội Trân	DH35TC05	Tài chính	8.74	Giỏi	84	Tốt	19	Giỏi	1,135,000	5,675,000
567	030236200188	Võ Thị Ngọc Trâm	DH36HT01	Thông tin Hệ thống	8.74	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
568	030136200024	Nguyễn Thị Phương Anh	DH36DC07	Tài chính - Ngân hàng	8.74	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000



STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
569	050606180367	Nguyễn Thị Thu Thảo	HQ6-GE03	Quản trị Kinh doanh	8.73	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1,135,000	5,675,000
570	030534180109	Phạm Lê Ngọc Minh	DH34KT02	Kế toán	8.73	Giỏi	95	Xuất sắc	17	Giỏi	1,135,000	5,675,000
Tổng cộng:					3,280,950,000							
					(Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)							

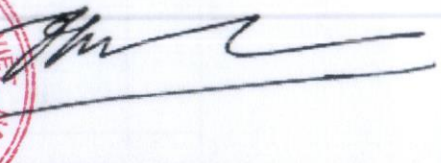
Danh sách này gồm 570 sinh viên./.

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



Lâm Thị Kim Liên

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Hữu Toàn